

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2023/DS-PT

Ngày 20/12/2023

V/v “Tranh chấp tuyên bố văn bản
công chứng vô hiệu”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Hữu Thị Hào Hào.

Ông Trần Hoài Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 138/2023/DSST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 199/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị T, sinh năm: 1965. Địa chỉ: 717 đường T, quận L, thành phố Đ.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Q, sinh năm: 1985, ông Phan Đức H, sinh năm: 2000 và bà Lê Thị Q, sinh năm: 2001. Cùng địa chỉ: 99 đường N, phường H, quận H, thành phố Đ. (Theo Giấy ủy quyền ngày 19/6/2023). Ông H có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Q, bà Q có mặt).

- *Bị đơn:* Văn phòng Công chứng Trần Công M. Địa chỉ: 222 đường X, phường K, quận C, thành phố Đ. Có đơn xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Đình N, sinh năm: 1979. Địa chỉ: K77A/7 đường L, tổ 21, phường C, quận T, thành phố Đ.

+ Bà Văn Thị Bích H. Địa chỉ: tổ 66, phường H, quận H, thành phố Đ.

Đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Đình N và bà Văn Thị Bích H: Bà Vũ Thị Thùy T, sinh năm: 1994. Địa chỉ: Công ty Luật TNHH Kinh Bắc, Số nhà 50 phố M - Phường M - Quận C – thành phố H. Địa chỉ liên hệ: 35 đường T, quận H, thành phố H. (Theo Giấy ủy quyền ngày 16/6/2023). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Đình N và bà Văn Thị Bích H: Ông Nguyễn Ngọc H – Luật sư Công ty Luật TNHH K. Có mặt.

+ Ông Văn Viết C1, sinh năm: 1996; Địa chỉ: tổ 66, phường H, quận H, thành phố Đ. Có đơn xét xử vắng mặt.

+ Ông Văn Viết C và bà Trần Thị A; Địa chỉ: tổ 66, phường H, quận H, thành phố Đ. Có đơn xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Trương Thị T là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn là bà Trương Thị T và người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Bà Trương Thị T là nguyên đơn trong vụ án kiện tranh chấp Hợp đồng vay giữa bà với ông Nguyễn Đình N, bà Nguyễn Thị Thanh Hoa và bà Nguyễn Thị Thanh Nữ. Ngày 26/8/2018, Toà án nhân dân quận Thanh Khê đã ban hành Quyết định số: 26/2018/QĐST-DS về việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự ghi nhận ông Nguyễn Đình N, bà Nguyễn Thị Thanh Hoa và bà Nguyễn Thị Thanh Nữ nợ bà Trương Thị T số tiền 23.000.000.000 đồng (trong đó 20.000.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000.000 đồng tiền lãi); với phương thức trả nợ như sau: Vào ngày 30/10/2018 trả số tiền 1.000.000.000 đồng. Vào ngày 30/11/2018 trả số tiền 1.000.000.000 đồng và bắt đầu từ tháng 12/2018, mỗi tháng trả 500.000.000 đồng vào ngày 28 (dương lịch) hàng tháng cho đến khi trả hết số nợ 21.000.000.000 đồng. Ông N, bà Nữ, bà Hoa đã không thi hành Quyết định nêu trên và tạm tính đến ngày 09/02/2023, ông Nam, bà Nữ, bà Hoa còn phải thi hành án trả nợ cho bà Trương Thị T là 19.074.986.301 đồng, trong đó có tiền gốc 15.600.000.000 đồng và tiền lãi chậm thi hành án tạm tính đến ngày 09/02/2023 là 3.474.986.301 đồng theo các Quyết định thi hành án số: 36/QĐ-CC THANDS ngày 18/03/2019, 47/QĐ-CCTHANDS ngày 22/04/2019, 49/QĐ-CCTHANDS ngày 13/05/2019, 55/QĐ-CCTHANDS ngày 10/06/2019, 19/QĐ-CCTHANDS ngày 07/11/2019, 59/QĐ-CCTHANDS ngày 24/06/2020, 18/QĐ-CCTHANDS ngày 28/10/2020, 53/QĐ-CCTHANDS ngày 02/04/2021, 41/QĐ-CCTHADS ngày 22/02/2022, 50/QĐ-CCTHADS ngày 15/04/2022, 55/QĐ-CCTHADS ngày 10/06/2022, 61/QĐ-CCTHADS ngày 08/07/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Qua tìm hiểu bà Trương Thị T được biết ông Nguyễn Đình N và vợ là bà Văn Thị Bích H đã xác lập Giấy xác nhận tài sản riêng, công chứng số: 2022/1223 ngày 17/03/2022 tại Văn phòng Công chứng Trần Công M, có nội dung xác nhận tài sản là ô tô mang biển số 43A-648.99 nhãn hiệu MAZDA là tài sản riêng của vợ là bà Văn Thị Bích H. Việc ông Nguyễn Đình N và bà Văn Thị Bích H lập Giấy xác nhận tài sản riêng như nêu trên là có dấu hiệu tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Trương Thị T. Do đó, bà Trương Thị T yêu cầu Tuyên bố văn bản công chứng là Giấy xác nhận tài sản riêng, công chứng số: 2022/1223 ngày 17/03/2022 tại Văn phòng Công chứng Trần Công M giữa ông Nguyễn Đình N và bà Văn Thị Bích H đối với tài sản ô tô mang biển số: 43A-648.99 nhãn hiệu MAZDA là vô hiệu.

- Bị đơn là Văn phòng Công chứng Trần Công M trong quá trình giải quyết vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng Văn phòng Công chứng Trần Công M có đơn xin vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đối với người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

+ Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình N và bà Văn Thị Bích H trình bày: Ông và bà Văn Thị Bích H là vợ chồng. Ngày 10/3/2022, tại cuộc họp gia đình có sự tham gia của bố mẹ bà H là ông Văn Viết C và bà Trần Thị A, em trai bà H là ông Văn Viết C; cùng với ông N và bà H, ông C và bà A đã quyết định mua lại xe ô tô mang biển số 43A-648.99 nhãn hiệu MAZDA của ông C1 và cho riêng bà H chiếc xe này. Đến ngày 17/3/2022, ông N và bà H ký Văn bản thỏa thuận về tài sản trong thời kỳ hôn nhân để xác định xe ô tô trên là tài sản riêng của bà H. Chiếc xe ô tô mang biển số 43A-648.99 nhãn hiệu MAZDA là tài sản bố mẹ bà H cho riêng bà H trong thời kỳ hôn nhân nên căn cứ khoản 1 Điều 43 Luật hôn nhân và gia đình thì đây là tài sản riêng của bà H và việc ông bà ký Văn bản thỏa thuận về tài sản trong thời kỳ hôn nhân là đúng quy định. Do đó, ông bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu của bà T.

+ Ông Văn Viết C, bà Trần Thị A và ông Văn Viết C1 thống nhất trình bày: Ông Văn Viết C, bà Trần Thị A là bố mẹ ruột của ông C1 và bà H. Chiếc xe ô tô mang biển số 43A-648.99 nhãn hiệu MAZDA vốn là tài sản của ông Văn Viết C. Do ông C1 không có nhu cầu sử dụng nên ngày 10/3/2022, tại cuộc họp gia đình có sự tham gia của ông C và bà A, ông Văn Viết C1 và vợ chồng ông N và bà H. Ông C và bà A quyết định mua lại chiếc xe của ông C1 và tặng cho riêng bà H; ông C1 chịu trách nhiệm thực hiện thủ tục sang tên.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 183/2023/DSST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 271, 272 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 75 Luật Thi hành án dân sự và khoản 1 Điều 24 Nghị định số: 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều

của Luật thi hành án dân sự; Căn cứ Điều 40 đến 47 Luật Công chứng; Căn cứ vào Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T đối với Văn phòng Công chứng Trần Công M về việc tuyên bố văn bản công chứng là Giấy xác nhận tài sản riêng, công chứng số: 2022/1223 ngày 17/03/2022 tại Văn phòng Công chứng Trần Công M, giữa ông Nguyễn Đình N và bà Văn Thị Bích H đối với tài sản ô tô mang biển số 43A-648.99 nhãn hiệu MAZDA là vô hiệu.

2. Về án phí DSST: Bà Trương Thị T phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000648 ngày 25/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/9/2023, bà Trương Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm có nội dung chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp không thể sửa Bản án sơ thẩm thì yêu cầu tuyên hủy Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án quận Cẩm Lệ xét xử lại từ đầu theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn: Ông Phan Đức Huỳnh. Bị đơn: Văn phòng Công chứng Trần Công M. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Văn Viết C1, ông Văn Viết C và bà Trần Thị A đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] **Xét kháng cáo của** bà Trương Thị T thì thấy: Bà T cho rằng ông Nguyễn Đình N và bà Văn Thị Bích H lập Giấy xác nhận tài sản riêng là có dấu hiệu tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 26/2018/QĐST-DS ngày 26/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Trương Thị T nên bà yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng trên vô hiệu. HĐXX xét thấy: Bà Văn Thị Bích H là ông Văn Viết C, bà Trần Thị A và là chị của ông Văn Viết C1. Ngày Ngày 10/3/2022, gia đình bà H họp thống nhất để thuận tiện trong việc đi lại, bố mẹ ruột của bà H là ông Văn Viết C và bà Trần Thị A cho tiền để mua chiếc xe ô tô mang biển số 43A-648.99 nhãn hiệu MAZDA của em trai là ông Văn Viết C1,

việc giao tiền cho ông C1 là do ông C, bà A đưa tiền, không phải bà H nên ngày 15/3/2022 tại Văn phòng Công chứng Trần Công M chứng thực Hợp đồng mua bán tài sản trên giữa ông Văn Viết C1 và bà Văn Thị Bích H. Do đó, ngày 17/3/2022, ông Nguyễn Đình N đã xác lập văn bản thỏa thuận về tài sản trong thời kỳ hôn nhân xác lập hiếc xe ô tô mang biển số 43A-648.99 nhãn hiệu MAZDA là tài sản riêng của bà Văn Thị Bích H được Văn phòng Công chứng Trần Công M chứng thực. Mặt khác, tại phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đối với chủ xe bà Văn Thị Bích H thể hiện đăng ký lần 1 ngày 04/01/2022; đăng ký lần 2 ngày 15/3/2022. Nếu lần đăng ký ngày 04/01/2022, chủ sở hữu chiếc xe ô tô trên đứng tên bà H để hợp thức hóa chiếc xem ô tô trên từ ông C1 sang bà H thì việc ông N xác lập chiếc xe ô tô trên là tài sản riêng của bà H là có dấu hiệu tẩu tán tài sản để không thực hiện nghĩa vụ thi hành án của ông N đối với bà T. Tuy nhiên, tại phiên tòa, đương sự cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang biển số 43A-648.99 nhãn hiệu MAZDA do Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/01/2022 đứng tên ông Văn Viết C1. Tất cả các chứng cứ trên đều hoàn toàn phù hợp với diễn biến khách quan của vụ án. Hơn nữa, tại khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *”...Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng”*. Tại khoản 1 Điều 43 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“...Tài sản riêng của vợ, chồng gồm tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn; tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân; tài sản được chia riêng cho vợ, chồng theo quy định tại các điều 38, 39 và 40 của Luật này; tài sản phục vụ nhu cầu thiết yếu của vợ, chồng và tài sản khác mà theo quy định của pháp luật thuộc sở hữu riêng của vợ, chồng”*. Như vậy, vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân có quyền có được tài sản riêng. Vì vậy, việc ông N xác lập chiếc xe ô tô trên là tài sản riêng của bà H là hoàn toàn đúng pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ tuyên văn bản công chứng trên vô hiệu.

[3] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông Nguyễn Đình N và bà Văn Thị Bích H cho rằng việc ông C1 bán xe ô tô cho bà H là từ nguồn tiền của cha mẹ bà H là ông C và bà A. Đây là tài sản riêng của bà H hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên ông N xác lập chiếc xe ô tô trên là tài sản riêng của bà H được Văn phòng Công chứng chứng thực là hợp pháp nên đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà T. Quan điểm của Luật sư là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4] Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Trương Thị T phải chịu án phí DSPT.

[5] Về án phí DSST: Bà Trương Thị T phải chịu: 300.000 đồng

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm với nội dung không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 124 Bộ luật dân sự; Điều 33, 43 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị T.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 138/2023/DSST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T đối với Văn phòng Công chứng Trần Công M về việc *“Tuyên bố văn bản công chứng là Giấy xác nhận tài sản riêng, công chứng số: 2022/1223 ngày 17/03/2022 tại Văn phòng Công chứng Trần Công M, giữa ông Nguyễn Đình N và bà Văn Thị Bích H đối với tài sản ô tô mang biển số 43A-648.99 nhãn hiệu MAZDA là vô hiệu”*.

4. Về án phí DSST: Bà Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000648 ngày 25/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng.

5. Án phí DSPT: Bà Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001845 ngày 05/10/2023 tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THA dân sự quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bé

